TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 156/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 19/5/2020
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình - Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Phước Tân;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình - Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Bích N, sinh năm: 1983.

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Minh N, sinh năm: 1975.

Cùng cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa: Ông N, bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bà Võ Thị Bích N trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Đoàn Minh N là do tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân từ năm 2000 cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống tại thị trấn L, cuốc sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập vợ con, không chí thú làm ăn, nhiều lần bà động viên nhưng ông N không thay đổi, bà nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông N không còn nữa và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà xin được ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Ngọc Đ, sinh ngày 25/3/2001, Đoàn Minh H, sinh ngày 22/5/2007, ông N đang nuôi dạy. Sau khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu H cho ông N được tiếp tục nuôi, bà xin không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đ đã trưởng thành và tự lập nên bà không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đoàn Minh N trình bày: Về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân đúng như lời bà N trình bày. Từ khi kết hôn đến nay ông và bà N chưa dăng ký kết hôn. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về quan hệ con chung: có 02 con chung, họ tên năm sinh đúng như lời bà N trình bày. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Đ đã trưởng thành và tự lập nên ông không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ bà N cung cấp cho Tòa án được công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, bà N và ông N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung. Hội đồng đồng xét xử đã công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa theo quy định.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về tố tụng:Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX không công nhận bà Võ Thị Bích N và ông Đoàn Minh N là quan hệ vợ chồng; giao cháu Đoàn Minh H, sinh ngày 22/5/2007cho ông N được tiếp tục nuôi và công nhận sự tự nguyện của ông N về việc không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung; Riêng cháu Đoàn Ngọc Đ, sinh ngày 25/3/2001 đã trưởng thành và tự lập nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông N. Hiện ông N đang cư trú trên địa bàn huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy đương sự vắng mặt đã có lời khai được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà N và ông N được xác lập do hai bên tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng cả hai cùng xác định từ khi chung sống đến

nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông bà phù hợp với tờ tường trình của bà N được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang xác nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận bà N và ông N là quan hệ vợ chồng.

[3] *Về quan hệ con chung*: Bà N và ông N cùng xác định có 02 con chung tên Đoàn Ngọc Đ, sinh ngày 25/3/2001, Đoàn Minh H, sinh ngày 22/5/2007, hiện ông N đang nuôi dạy. Bà N và ông N thống nhất: ông N được tiếp tục nuôi cháu H, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Để nhằm đảm bảo sự ổn định về cuộc sống, tâm sinh lý của cháu, Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận. Riêng cháu Đ đã trưởng thành và sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông N.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết: Ông N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà N và ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà Võ Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, 14, 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị Bích N và ông Đoàn Minh N là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Ông N được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Đoàn Minh H, sinh ngày 22/5/2007.

Công nhận sự tự nguyện của ông N về việc không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông N cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Võ Thị Bích N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0011847 ngày 04/3/2020 (bà N đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện A (2);
- Chi cục THADS huyện A (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang